



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG**

Số. /NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bù Đăng, ngày tháng năm 2020

**DỰ THẢO**

### **NGHỊ QUYẾT**

**V/v thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG KHÓA VI - KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;  
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;  
Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;  
Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND-KTXH ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,*

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân huyện nhất trí thông qua kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025, với các nội dung như sau:

#### **I. Nguyên tắc, thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công:**

- Việc phân bổ vốn đầu tư công trung hạn phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.
- Việc bố trí vốn phải tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật liên quan.
- Thực hiện bố trí vốn theo thứ tự ưu tiên như sau:
  - Bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025.
  - Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới thật sự cấp thiết, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 của huyện.

#### **II. Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025:**

1. Tổng kế hoạch vốn: **1.274.079 triệu đồng.**

(Bằng chữ: Một ngàn, hai trăm bảy mươi bốn tỷ, không trăm bảy mươi chín triệu đồng).

Trong đó:

- TTKL cho các dự án chuyển tiếp: 85.643 triệu đồng.
- Vốn các dự án khởi công mới: 1.061.340 triệu đồng.
- Dự phòng: 127.096 triệu đồng.

2. Phân theo vốn, lĩnh vực đầu tư:

2.1. Phân theo vốn:

- + Vốn phân cấp: 215.207 triệu đồng.
- + Vốn sử dụng đất: 808.872 triệu đồng.
- + Vốn các Chương trình MTQG: 250.000 triệu đồng.

2.2. Phân theo lĩnh vực:

- Lĩnh vực hành chính: 127.000 triệu đồng.
- Lĩnh vực giao thông: 511.893 triệu đồng.
- Lĩnh vực giáo dục: 532.186 triệu đồng.
- Lĩnh vực khác: 103.000 triệu đồng.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng khóa VI, Kỳ họp thứ Mười ba thông qua ngày tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Tổ đại biểu HĐND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Ban biên tập website huyện;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**  
 (kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2020 của HĐND huyện Bù Đăng)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số vốn	Trong đó		
			Phân bổ chi tiết	Dự phòng	
1	2	3=4+5	4	5	6
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.274.079</b>	<b>1.146.983</b>	<b>127.096</b>	
1	Vốn đầu tư từ nguồn sử dụng đất	808.872	728.297	80.575	
2	Vốn đầu tư từ nguồn vốn phân cấp	215.207	193.686	21.521	
3	Vốn các Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới, Chương trình 135	250.000	225.000	25.000	

**DANH MỤC CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2020 của HĐND huyện Bù Đăng)*

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Năm thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMDT		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9	
A	<b>TỔNG SỐ</b>		<b>1.340.810</b>	<b>66.731</b>	<b>1.274.079</b>	<b>1.146.983</b>	<b>127.096</b>		
I	<b>LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH</b>		<b>127.000</b>	-	<b>127.000</b>	<b>114.300</b>	<b>12.700</b>		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		-	-	-	-	-		
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		<b>127.000</b>	-	<b>127.000</b>	<b>114.300</b>	<b>12.700</b>		
1	XD khối trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới		17.000		17.000	15.300	1.700	2021	
2	Xây dựng trụ sở làm việc Huyện ủy QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		30.000		30.000	27.000	3.000	2021-2025	
3	Xây dựng trụ sở Khối cơ quan QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		50.000		50.000	45.000	5.000	2021-2025	
4	Xây dựng trụ sở Công an huyện QH điểm mới. (bao gồm sân vườn, khuôn viên)		30.000		30.000	27.000	3.000	2021-2025	
II	<b>LĨNH VỰC GIAO THÔNG</b>		<b>522.012</b>	<b>10.119</b>	<b>511.893</b>	<b>460.704</b>	<b>51.189</b>		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025		<b>16.812</b>	<b>10.119</b>	<b>6.693</b>	<b>6.024</b>	<b>669</b>		
1	Xây dựng đường bê tông nhựa (bên cạnh Trụ sở BCHQS huyện) từ QL14 đến đường D1 nối dài	1949/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	3.955	119	3.836	3.452	384	2019	
2	Xây dựng đường thâm nhập nhựa thôn 4 xã Bình Minh đi Bom Bo (khu 24)	1922/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	12.857	10.000	2.857	2.571	286	2020	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Năm thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>		<b>505.200</b>	-	<b>505.200</b>	<b>454.680</b>	<b>50.520</b>		
1	Xây dựng thâm nhập nhựa đường số 4-số 6 nối tuyến thông qua chợ cũ 300 m, xã Đường 10		4.000		4.000	3.600	400	2021	
2	Xây dựng BTXM đường thôn 3 đi thôn 4 (4km), thôn 2 đi thôn 5 (2km), xã Đường 10		6.000		6.000	5.400	600	2021	
3	Xây dựng thâm nhập nhựa đường nội ô TTHC xã Thống Nhất (2,7 km)		6.000		6.000	5.400	600	2021	
4	Xây dựng thâm nhập nhựa đường đi thôn 9, xã Thống Nhất (7 km)		14.000		14.000	12.600	1.400	2021	
5	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thôn 3, xã Minh Hưng (giai đoạn 2)		3.000		3.000	2.700	300	2021	Bổ sung
6	Xây dựng đường Nơ Trang Long nối dài đến Lý Thường Kiệt		60.000		60.000	54.000	6.000	2021-2025	
7	Xây dựng đường quanh hồ 7 mẫu dài 3km		15.000		15.000	13.500	1.500	2021-2025	
8	Xây dựng đường D1 nối dài đi cụm CN1 Minh Hưng dài 5km		25.000		25.000	22.500	2.500	2021-2025	
9	Nâng cấp đường Đoàn Đức Thái (nối dài) 0,5km		2.000		2.000	1.800	200	2021-2025	
10	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch dân cư Lý Thường Kiệt 2,5km		10.000		10.000	9.000	1.000	2021-2025	
11	Xây dựng các tuyến đường trong khu quy hoạch mở rộng 100 ha thị trấn Đức Phong (15km)		30.000		30.000	27.000	3.000	2021-2025	
12	Nâng cấp, mở rộng đường khu Đức Thiện (cạnh xưởng điều Long Đăng) đi xã Đoàn Kết (1km)		2.000		2.000	1.800	200	2021-2025	
13	Nâng cấp, đường vào sóc Bù Ra Mang (0,7km)		1.200		1.200	1.080	120	2021-2025	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Năm thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
14	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng các tuyến đường TTHC các xã trên địa bàn huyện		20.000		20.000	18.000	2.000	2021-2025	
15	Nâng cấp bê tông nhựa đường từ Đường 10 đi Đăk Nhai dài 6km		24.000		24.000	21.600	2.400	2021-2025	
16	Nâng cấp đường tư QL14 đi hầm đá Thôn 1 Minh Hưng dài 2,2km		4.000		4.000	3.600	400	2021-2025	
17	Xây dựng các tuyến đường khu TTHC xã Đức Liễu (dài 14 km)		50.000		50.000	45.000	5.000	2021-2025	
18	Nâng cấp láng nhựa đường từ Thôn 12 xã Thống Nhất đi Thôn 2 xã Đăng Hà dài 17km		25.000		25.000	22.500	2.500	2021-2025	
19	Nâng cấp đường từ Đồng Nai đi QL14 xã Phú Sơn dài 5 km (giáp trạm thu phí số 01)		7.000		7.000	6.300	700	2021-2025	
20	Đường liên thôn khu 23 xã Bom Bo dài 2 km		4.000		4.000	3.600	400	2021-2025	
21	Đường liên thôn ngã ba tình nghĩa thôn 2, đi thôn 7 xã Bình Minh dài 2,5km		5.000		5.000	4.500	500	2021-2025	
22	Xây dựng đường DH10 từ đầu tuyến đi KCN Minh Hưng 2		43.000		43.000	38.700	4.300	2021-2025	
23	Xây dựng đường DH8 Nghĩa Bình đi Nghĩa Trung		20.000		20.000	18.000	2.000	2021-2025	
24	Xây dựng đường DH16 đi Chùa Thanh Đức		5.000		5.000	4.500	500	2021-2025	
25	Xây dựng đường DH18 đi quanh hồ Minh Hưng		15.000		15.000	13.500	1.500	2021-2025	
26	Xây dựng đường BTXM, trồng cây xanh dọc các tuyến đường xã Đức Liễu		45.000		45.000	40.500	4.500	2021-2025	
27	Điều chỉnh quy hoạch TTHC các xã		10.000		10.000	9.000	1.000	2021-2025	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Năm thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMDT		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
28	Quy hoạch mới các khu dân cư trên địa bàn huyện		5.000		5.000	4.500	500	2021-2025	
29	Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong (giai đoạn 2)		45.000		45.000	40.500	4.500	2021-2025	
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC &amp; ĐÀO TẠO</b>		<b>588.798</b>	<b>56.612</b>	<b>532.186</b>	<b>479.279</b>	<b>52.907</b>		
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>		<b>145.078</b>	<b>56.612</b>	<b>88.466</b>	<b>79.619</b>	<b>8.847</b>		
1	Xây dựng khối 10 phòng học lầu và các hạng mục phụ Trường TH Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước	1911/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	9.617	5.612	4.005	3.605	401	2020	
2	Xây dựng Trường THCS Nghĩa Trung, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	1912/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	16.800	7.000	9.800	8.820	980	2020	
3	Xây dựng khối hiệu bộ, các phòng chức năng Trường THCS Bình Minh.	1913/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	15.000	6.000	9.000	8.100	900	2020	
4	Xây dựng Trường TH Xuân Hồng (điểm mới).	1917/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	30.000	11.000	19.000	17.100	1.900	2020	
5	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động trường Mẫu giáo Sao Mai, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.	1918/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	7.000	13.000	11.700	1.300	2020	
6	Xây dựng các phòng học, khối hiệu bộ và các phòng phục vụ hoạt động Trường MG Hoa Mai.	1919/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	20.000	8.000	12.000	10.800	1.200	2020	
7	Xây dựng 04 phòng học lầu Trường Mầm non Minh Hưng, xã Minh Hưng	1920/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	3.661	2.000	1.661	1.495	166	2020	
8	Xây dựng mới Trường TH Nguyễn Bá Ngọc	1910/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	30.000	10.000	20.000	18.000	2.000	2020	
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>		<b>443.720</b>	<b>-</b>	<b>443.720</b>	<b>399.660</b>	<b>44.060</b>		

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Năm thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
1	Xây dựng Khối hiệu bộ, các phòng chức năng, các hạng mục phụ Trường THCS Nguyễn Khuyến, xã Đường 10		15.000		15.000	13.500	1.500	2021	
2	Xây dựng Khối hiệu bộ, các hạng mục phụ Trường MG Thanh Bình, xã Đường 10		12.000		12.000	10.800	1.200	2021	
3	Xây dựng 4 phòng chức năng Trường TH Nguyễn Thái Bình, xã Thống Nhất		3.000		3.000	2.700	300	2021	
4	Xây dựng Khối hiệu bộ Trường THCS Thống Nhất, xã Thống Nhất		10.000		10.000	9.000	1.000	2021	
5	Xây dựng 01 phòng học (Điểm thôn 5) Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai		600		600	540	60	2021	
6	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Đăk Nhau		6.000		6.000	5.400	600	2021	
7	Xây dựng Trường TH Nguyễn Văn Trỗi, xã Thống Nhất		30.000		30.000	27.000	3.000	2021	
8	Xây dựng khu hiệu bộ, 6 phòng học, 10 phòng chức năng và 20 phòng ở KTX Trường PTDTNT THCS Điều Ong, thị trấn Đức Phong		30.000		30.000	27.000	3.000	2022	
9	Xây dựng 6 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn		6.000		6.000	5.400	600	2022	
10	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết		12.000		12.000	10.800	1.200	2022	
11	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH Đoàn Kết, xã Đoàn Kết		6.000		6.000	5.400	600	2022	
12	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn		6.000		6.000	5.400	600	2022	
13	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Trần Phú, xã Thọ Sơn		4.800		4.800	4.320	480	2022	



STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Năm thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMDT		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
14	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Hoa Sen, xã Đoàn Kết		6.000		6.000	5.400	600	2022	
15	Xây dựng 14 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn		10.800		10.800	9.720	1.080	2023	
16	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Phước Sơn, xã Phước Sơn		10.800		10.800	9.720	1.080	2023	
17	Xây dựng 10 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đăk Nhau, xã Đăk Nhau		20.400		20.400	18.360	2.040	2023	
18	Xây dựng 10 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nhau		14.400		14.400	12.960	1.440	2023	
19	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Phước Sơn		6.000		6.000	5.400	600	2023	
20	Xây dựng khu hiệu bộ Trường THCS Võ Trường Toản, xã Phước Sơn		6.000		6.000	5.400	600	2023	
21	Xây dựng khu hiệu bộ Trường THCS Chu Văn An, xã Đăk Nhau		6.000		6.000	5.400	600	2023	
22	Xây dựng 12 phòng học và 8 phòng chức năng Trường TH&THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình		12.000		12.000	10.800	1.200	2024	
23	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đồng Nai, xã Đồng Nai		7.200		7.200	6.480	720	2024	
24	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH & THCS Nghĩa Bình, xã Nghĩa Bình		6.000		6.000	5.400	600	2024	
25	Xây dựng khu hiệu bộ Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái, xã Đồng Nai		6.000		6.000	5.400	600	2024	
26	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đức Liễu, xã Đức Liễu		7.200		7.200	6.480	720	2024	
27	Xây dựng 20 phòng học và 4 phòng chức năng, khối hiệu bộ Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà		20.400		20.400	18.360	2.040	2025	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Năm thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
28	Xây dựng khu hiệu bộ Trường MG Hoa Cúc, xã Đăng Hà		6.000		6.000	5.400	600	2025	
29	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Trần Văn Ôn, xã Bom Bo		12.000		12.000	10.800	1.200	2025	
30	Xây dựng 18 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong		13.200		13.200	11.880	1.320	2021-2025	
31	Xây dựng 16 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Lê Lợi, thị trấn Đức phong		12.000		12.000	10.800	1.200	2021-2025	
32	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Minh Hưng, xã Minh Hưng		9.600		9.600	8.640	960	2021-2025	
33	Xây dựng 18 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Kim Đồng, xã Đức Liễu		13.200		13.200	11.880	1.320	2021-2025	
34	Xây dựng 12 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Tô Vĩnh Diện, xã Bình Minh		9.600		9.600	8.640	960	2021-2025	
35	Xây dựng 8 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Phú Sơn, xã Phú Sơn		7.200		7.200	6.480	720	2021-2025	
36	Xây dựng 4 phòng học và 4 phòng chức năng Trường TH Thống Nhất, xã Thống Nhất		4.800		4.800	4.320	480	2021-2025	
37	Mua sắm trang thiết bị Khối phòng học cấp II xã Bom Bo, huyện Bù Đăng		3.120		3.120	3.120	-	2021	Bổ sung
38	Xây dựng 10 phòng lều Trường TH&THCS Đoàn Đức Thái (điểm thôn 5), xã Đồng Nai		6.000		6.000	5.400	600	2021	Bổ sung
39	Xây dựng 2 phòng học, 2 phòng chức năng (điểm Sơn Thọ) Trường TH Thọ Sơn, xã Thọ Sơn		2.400		2.400	2.160	240	2021	Bổ sung
40	Xây dựng 6 phòng lều Trường TH Trần Quốc Toàn, xã Đăk Nhau		3.600		3.600	3.240	360	2021	Bổ sung
41	Xây dựng 8 phòng học lều Trường TH&THCS Trần Văn Ôn, xã Bom Bo		4.800		4.800	4.320	480	2021	Bổ sung

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Năm thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
42	Xây dựng 4 phòng lầu (điểm Bù Xa) Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn		2.400		2.400	2.160	240	2021	Bổ sung
43	Xây dựng 10 phòng học lầu và hạng mục phụ san lấp mặt bằng Trường TH Đăng Hà, xã Đăng Hà		6.500		6.500	5.850	650	2021	Bổ sung
44	Xây dựng 04 phòng học (điểm chính), 02 phòng học (điểm thôn 6), 02 phòng học (điểm thôn 8) Trường TH Tô Vinh Diện, xã Bình Minh.		4.800		4.800	4.320	480	2021	Bổ sung
45	Xây dựng 4 phòng chức năng Trường TH Nguyễn Thái Bình, xã Thống Nhất		3.000		3.000	2.700	300	2022	Bổ sung
46	Xây dựng khối phòng hành chính quản trị Trường THCS Thống Nhất, xã Thống Nhất		10.000		10.000	9.000	1.000	2022	Bổ sung
47	Xây dựng khối phòng hành chính quản trị, các hạng mục phụ Trường MG Thanh Bình, xã Đường 10		7.000		7.000	6.300	700	2022	Bổ sung
48	Xây dựng khối phòng hành chính quản trị, phòng chức năng Trường TH Minh Hưng, xã Minh Hưng		7.500		7.500	6.750	750	2022	Bổ sung
49	Xây dựng 6 phòng học lầu Trường TH Thọ Sơn (điểm chính), xã Thọ Sơn		3.600		3.600	3.240	360	2022	Bổ sung
50	Xây dựng 12 phòng học lầu Trường TH Đức Phong, thị trấn Đức Phong		7.200		7.200	6.480	720	2022	Bổ sung
51	Xây dựng 6 phòng học lầu Trường TH Lê Hồng Phong, xã Phước Sơn		3.600		3.600	3.240	360	2022	Bổ sung
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC KHÁC</b>		<b>103.000</b>	<b>-</b>	<b>103.000</b>	<b>92.700</b>	<b>10.300</b>		
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>		
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>		<b>103.000</b>	<b>-</b>	<b>103.000</b>	<b>92.700</b>	<b>10.300</b>		
1	Nạo vét mở rộng lòng suối, xây kè, đường đi và hệ thống chiếu sáng suối Đăk Woa (giai đoạn II)		30.000		30.000	27.000	3.000	2021-2025	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí đến hết năm 2020	Kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025			Năm thực hiện	Ghi chú
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	TMDT		Tổng số	Phân bổ chi tiết	Dự phòng		
2	Xây dựng Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Bình, huyện Bù Đăng		8.000		8.000	7.200	800	2024	
3	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đức Liễu, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	4.500	500	2024	
4	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	4.500	500	2023	
5	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	4.500	500	2023	
6	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Sơn, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	4.500	500	2025	
7	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Thọ Sơn, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	4.500	500	2022	
8	Nâng cấp, cải tạo Hệ thống cấp nước tập trung xã Đồng Nai, huyện Bù Đăng		5.000		5.000	4.500	500	2024	
9	Cải tạo, nâng cấp chính trang và xây dựng khu chợ phụ chợ Bù Đăng		5.000		5.000	4.500	500	2022	
10	Cải tạo, nâng cấp chính trang và xây dựng các chợ ở các xã		30.000		30.000	27.000	3.000	2021-2025	